

TẬP I

1. KINH PHẠM VÕNG (*Brahmajàla Sutta*)

Tụng Phẩm I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ràjagaha (Vương Xá) và Nalandà, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya du sĩ ngoại đạo cũng đi trên con đường giữa Ràjagaha và Nalandà cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadatta. **Suppiya, du sĩ ngoại đạo dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng.** Như vậy cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng Đức Phật và chúng Tỷ-kheo.

2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadatta. Tại đây, du sĩ ngoại đạo Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn người đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

3. Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng.

- Nay các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Nay các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đáng Toàn Tri, Toàn Kiến, đáng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu sự xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta lại dùng vô số phương tiện, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy **cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản** trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

4. Lúc bấy giờ Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các người ngồi họp tại chỗ này? Vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong?

Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Tại đây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: “Nay các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Nay các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đáng Toàn Tri, Toàn Kiến, đáng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu sự xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta lại dùng vô số phương tiện, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo”. Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến!

5. - Nay các Tỷ-kheo, **nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn.** Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta,

hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn, **thời như vậy sẽ có hại** cho các người. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và **nếu các người công phần và phiền muộn**, thời các người **có thể biết được lời nói** của những kẻ ấy là **đúng** hay **sai lạc** chăng?

- Bạch Thế Tôn, không thể được!

- Nay các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người **phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật**: - “Nhu thể này, **điểm này không đúng sự thật**; như thế này, **điểm này không chính xác**; việc này **không có giữa chúng tôi**; việc này **không xảy ra giữa chúng tôi**”.

6. Nay các Tỷ-kheo, **nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp, hay tán thán Tăng**, thời các người **không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú**. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, **mà nếu** các người hoan hỷ, vui mừng và thích thú **thời sẽ có hại** cho các người. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, **thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật**: “Nhu thể này, **điểm này đúng sự thật**, như thế này, **điểm này chính xác**, việc này **có giữa chúng tôi, việc này đã xảy ra giữa chúng tôi**”.

7. Nay các Tỷ-kheo, thật chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhất, **chỉ thuộc giới luật** mà kẻ phạm phư tán thán Như Lai. Nay các Tỷ-kheo, **thế nào là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhất, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phư tán thán Như Lai?**

(Tiểu Giới)

8. Sa-môn Gotama **từ bỏ sát sanh**, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, **biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót** đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. - Nay các Tỷ-kheo, đó là lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Sa-môn Gotama **từ bỏ lấy của không cho**, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, **tự sống thanh tịnh không có trộm cướp**. - Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Sa-môn Gotama **từ bỏ tà hạnh**, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, **từ bỏ dâm dục hèn hạ**. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

9. Sa-môn Gotama **từ bỏ nói láo**, tránh xa nói láo, **nói những lời chân thật**, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, **không lừa gạt**, không phản lại lời hứa đối với đời. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Sa-môn Gotama **từ bỏ nói hai lưỡi**, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Sa-môn Gotama **sống hòa hợp** những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, **nói những lời đưa đến hòa hợp**. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama **từ bỏ lời nói độc ác**, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama **từ bỏ lời nói ỷ ngữ**, tránh xa lời nói ỷ ngữ, **nói đúng thời**, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, **nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật**, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phu.

10. Sa-môn Gotama **không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ**; Sa-môn Gotama **dùng mỗi ngày một bữa**, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, **từ bỏ không ăn phi thời**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa**, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Sa-môn Gotama **từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không nhận vàng và bạc**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không nhận các hạt giống**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không nhận thịt sống**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không nhận đàn bà, con gái**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không nhận cừu và dê**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không nhận gia cầm và heo**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không phái người môi giới hoặc tự mình làm môi giới**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không buôn bán**. Sa-môn Gotama **từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường**. Sa-môn Gotama **từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo**. Sa-môn Gotama **từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá**. - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phu.

(Trung Giới)

11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn **dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối**. Như các hạt giống từ **rễ sanh**, hạt giống từ **ngành cây sanh**, hạt giống từ **đất sanh**, hạt giống từ **chiết cây sanh** và thứ năm là hạt giống từ **hạt giống sanh**. Còn Sa-môn Gotama thì **không làm hại hột giống hay cây cối nào**. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật**. Như cất chứa các **món ăn**, cất chứa các **đồ uống**, cất chứa **vải**, cất chứa **xe cộ**, cất chứa các **đồ nằm**, cất chứa các **hương liệu**, cất chứa các **mỹ vị**. Còn Sa-môn Gotama thì **từ bỏ không cất chứa các vật trên**. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

13. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **sống theo các du hí không chân chánh** như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao lược, diễn binh. Còn Sa-môn Gotama thì **từ bỏ các loại du hí không chân chánh như trên**. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **sống đánh bài và theo các trò giải trí** như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đồng thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. Còn Sa-môn Gotama thì **từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như**

trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn **sống dùng các giường cao và giường lớn** như ghé bành, ghé dài, nệm trái giường bằng len, vải trái giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền

Kinh Trường Bộ Page 5 of 466

bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lằn che phía trên, ghé dài có đầu gối chân màu đỏ. Còn Sa-môn Gotama thì **từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên.** - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

16. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn **sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm.** Như thoa dầu, đắp bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gương, lông, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phát trần, vải trắng có viền tua dài. Còn Sa-môn Gotama thì **từ bỏ không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên.** Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

17. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường** như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn Sa-môn Gotama **từ bỏ không nói những câu chuyện vô ích, tầm thường kể trên.** - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **sống bàn luận tranh chấp**, như nói: “Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của người không tương ưng; những điều đáng nói trước người lại nói sau, những điều đáng nói sau người lại nói trước, chủ kiến của người đã bị bài bác; câu nói của người đã bị thách đấu; người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy; nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí”. Còn Sa-môn Gotama thì **từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên.** - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

19. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới**, như cho các vua, cho các đại

thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: “Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia”. Còn Sa-môn Gotama thì **từ bỏ không cho đưa các tin tức và tự đứng làm môi giới**. Như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

20. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, lấy lợi cầu lợi**. Còn Sa-môn Gotama thì **từ bỏ không lừa đảo và siểm nịnh như trên**. Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

(Đại Giới)

21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, **dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường**, vẫn còn **tự nuôi sống bằng những tà hạnh** như **xem tướng tay chân**, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muông, dùng miệng phun hột cải v.v... vào lửa, tế vỏ lúa, tế tằm, tế gạo, tế thực tô, tế dầu, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, **khoa cầu thần ban phước**,

Kinh Trường Bộ Page 6 of 466

khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bọ cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngửa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. Còn Sa-môn Gotama thì **tránh xa những tà hạnh kể trên**. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

22. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **nuôi sống mình bằng những tà mạng** như **xem tướng** các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gương kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, **tướng đàn bà**, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. Còn Sa-môn Gotama thì **từ bỏ những tà mạng kể trên**. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

23. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **tự nuôi sống bằng những tà mạng** như **đoán trước**: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thoái; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia. Còn Sa-môn Gotama thì **từ bỏ những tà mạng kể trên**. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **tự nuôi sống bằng những tà mạng** như **đoán trước** sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời, mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế

này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có những kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng, sẽ có kết quả như thế này. Còn Sa-môn Gotama thì **tránh xa, không tự nuôi sống bằng những tà mạng kể trên**. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

25. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **tự nuôi sống bằng những tà mạng** như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay **làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình**. Còn Sa-môn Gotama **tránh xa các tà hạnh kể trên**. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

26. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn tín thí cúng dường, vẫn còn **tự nuôi sống bằng những tà mạng**. Như **sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể**, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để mượn hay tiêu tiền, **dùng bùa chú để giúp người được may mắn**, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm công lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, **hỏi phù đồng**, thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phúc, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, **cầu Siri thần tài**. Còn Sa-môn Gotama **tránh xa các tà mạng kể trên**. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Kinh Trường Bộ Page 7 of 466

27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn **tự nuôi sống bằng những tà mạng** như dùng các **ảo thuật để được yên ổn**, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để **tìm đất tốt làm nhà**, để cầu phúc cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh đau mắt, **làm thầy thuốc mổ xẻ**, chữa bệnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn Sa-môn Gotama **tránh xa các tà mạng kể trên**. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai. - Nay các Tỷ-kheo, đây là những vấn đề không quan trọng, **nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật** mà kẻ phàm phu dùng để tán thán Như Lai.

28. Nay các Tỷ-kheo, **lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến**.

Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không thể nhận hiểu bởi luận lý suông, tế nhị, **chỉ những người trí mới có thể nhận hiểu**. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến?

(62 loại Tà kiến)

29. Nay các Tỷ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn, **luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến**

về quá khứ tối sơ, **y cứ** về quá khứ tối sơ, **đề xướng nhiều sở kiến sai khác**, với **mười tám luận chấp**. Và y chỉ theo gì, căn cứ theo gì, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về phía quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp?

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Thường trú luận, chấp** rằng: “**Bản ngã về thế giới là thường còn**” với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp?

31. Nay các Tỷ-kheo, **nhờ nhiệt tâm**, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, **nên tâm nhập định**; khi tâm nhập định, **vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời**, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, **vô số trăm ngàn đời**, nhớ rằng: **Khi được sanh tại chỗ ấy**, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. **Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh** đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ, khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. **Từ chỗ kia chết đi** tôi được **sanh tại chỗ này**”. Như vậy **người ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết**. Người ấy nói rằng: “**Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh**, vững chắc như đánh núi, như trụ đá; còn những **loại hữu tình** kia **thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú**. Tại sao vậy? Vì rằng tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú”.

Nay các Tỷ-kheo đó là **lập trường thứ nhất**, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những vị Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

Kinh Trường Bộ Page 8 of 466

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương **Thường trú luận**, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Nay các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, **nhờ nhất tâm**, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, **nên tâm nhập định**, khi tâm nhập định, **vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp**, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, **mười thành kiếp hoại kiếp**; nhớ rằng: “**Khi được sanh tại chỗ ấy**, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những **loại hữu tình** kia **lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú**”.

Nay các Tỷ-kheo, đó là **lập trường thứ hai**, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận và chấp rằng, bản ngã và thế giới thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, những Sa-môn hay Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương **Thường trú luận**, và cho rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Nay các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, **nhờ nhất tâm**, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, **nên tâm nhập định**. Khi tâm nhập định, vị

ấy **nhớ được nhiều đời sống quá khứ**, như **mười thành kiếp hoại kiếp**, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, **năm mươi thành kiếp hoại kiếp**; nhớ rằng: “**Khi được sanh tại chỗ ấy**, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. **Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia**. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. **Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này**”. Như vậy **người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết**. Người ấy nói: “**Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đánh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại**, tuy vậy, **chúng vẫn thường trú**. Tại sao vậy? Vì rằng tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp, hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp”. Nhớ rằng: “**Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ này**”. Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: “**Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đánh núi, trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú**”.

Này các Tỷ-kheo, đó là **lập trường thứ ba**, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Thường trú luận**, chấp bản ngã và thế giới thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương **Thường trú luận**, và chấp bản ngã và thế giới thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn, **là nhà suy luận, là nhà thẩm sát**. Do sự chia chẻ của suy luận, và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: “**Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đánh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường còn**”.

Này các Tỷ-kheo, đó là **lập trường thứ tư**, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Thường trú luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này, chủ trương **Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp**. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Thường trú

Kinh Trường Bộ Page 9 of 466

luận, chấp rằng: “**Bản ngã và thế giới là thường còn**”, chúng sẽ **chấp cả bốn luận chấp trên**, hay **một trong những luận chấp trên**, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, **Như Lai tuệ tri** như thế này: “**Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy**”. Như Lai biết như vậy, **Ngài lại biết hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy**. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chứng được tịch tịnh. **Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng**. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, **Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ**.

37. **Những chấp pháp ấy**, này các Tỷ-kheo, **là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt**. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và tuyên thuyết; và chính

những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Tụng Phẩm II

1. Nay các Tỷ-kheo, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác, với bốn luận chấp.** Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác, với bốn luận chấp?

2. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, **thế giới này chuyển hoại.** Trong khi thế giới chuyển hoại, **các loài hữu tình phần lớn sanh qua cõi Abhassara (Quang Âm thiên).** Ở tại đây, những loài chúng sanh này **do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không,** sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

3. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, **thế giới này chuyển thành.** Trong khi thế giới này chuyển thành, **Phạm cung được hiện ra, nhưng trống không.** Lúc bấy giờ, **một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy.** Vị ấy ở tại đây, **do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không,** sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

4. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: **“Mong sao có các loài hữu tình khác, cũng đến tại chỗ này!”** Lúc bấy giờ, **các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia.** Những loài hữu tình ở đây cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy, trong một thời gian khá dài.

5. Lúc bấy giờ, nay các Tỷ-kheo, **vị hữu tình đầu tiên sanh qua nghĩ rằng: “Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra.** Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này - Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này”. **Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: “Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh.** Vì sao vậy? **Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi.** Còn chúng ta thì **sanh sau”**

Kinh Trường Bộ Page 10 of 466

6. Nay các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy **sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn.** Còn các loài hữu tình sanh sau thì **sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn và được ít quyền hơn.** Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. **Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này.** Khi đến cõi này, **vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.** Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy, **nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ**

chánh ức niệm, **nên tâm nhập định**. Khi tâm nhập định, vị ấy **nhớ tới đời sống quá khứ ấy, chứ không nhớ xa hơn đời sống ấy**. Vị ấy nói rằng: “**Vị kia là Phạm thiên**, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biền nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mị định mạng, đấng Tự Tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. **Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh**. Vị ấy là **thường hằng**, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, **thường trú như vậy mãi mãi**. Còn **chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này**. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ và **chịu sự biến dịch**”.

Này các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ nhất**, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

7. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, **có những hạng chư Thiên gọi là Khiddapadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc)**. Những vị này sống lâu ngày, **mê say trong hý tiểu dục lạc**. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, **nên bị thất niệm**. Do thất niệm, **các chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể chúng**.

8. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, **lại sanh đến chỗ này**. Khi đến **tại chỗ này**, vị ấy **xuất gia**, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy **nhờ nhất tâm**, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, **nên tâm nhập định**. Khi tâm nhập định, vị ấy **nhớ đến đời sống quá khứ ấy, chứ không nhớ xa hơn đời sống ấy**.

9. Vị ấy nói rằng: “**Những chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi dục lạc**, chúng sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, **nên những chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng**, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, **thường trú như vậy mãi mãi**. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. **Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường**, không kiên cố, yếu thọ, **chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này**”.

Này các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ hai**, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

10. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, **có những hạng chư Thiên gọi là Manopadosikà (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí)**. Chúng sống lâu ngày **nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau**. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, **tâm trí của chúng oán ghét lẫn nhau**. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau,

nên thân chúng mệt mỏi, tâm chúng mệt mỏi.

Kinh Trường Bộ Page 11 of 466

Các hạng chư Thiên ấy thác sanh từ bỏ thân thể này của chúng.

11. Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. **Một trong các vị hữu tình kia**, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, **lại sanh đến cõi này**. Khi đến tại chỗ này, vị ấy **xuất gia** từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy **nhờ nhất tâm**, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, **nên tâm nhập định**. Khi tâm nhập định, vị ấy **nhớ đến đời sống quá khứ ấy**, nhưng **không nhớ xa hơn đời sống ấy**.

12. Vị ấy nói rằng: “**Những vị chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí**, chúng sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng không oán ghét nhau. Vì tâm trí chúng không oán ghét nhau, nên thân chúng không mệt mỏi, tâm chúng không mệt mỏi. **Những hàng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng kiên cố**, thường trú, không bị chuyển biến, **thường trú như vậy mãi mãi**”. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. **Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố**, yếu thọ, **chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này**”.

Nay các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ ba**, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

13. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

Nay các Tỷ-kheo, có Sa-môn, hay Bà-la-môn **là nhà suy luận, là nhà thẩm sát**. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: “**Cái gọi là mắt, là tai, là mũi, là lưỡi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường**, không kiên cố, không thường trú, **bị chuyển biến**. Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy **là thường còn**, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, **thường hằng như vậy mãi mãi**”.

Nay các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ tư**, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

14. Nay các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

15. Nay các Tỷ-kheo, **Như Lai biết rằng**: “**Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp**

thủ như vậy, sẽ đưa đến những **cõi thú** như vậy, sẽ tác thành những **định mạng** như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy, **Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa**, và **Ngài không chấp sở tri ấy**. Nhờ không chấp sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. **Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng**. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, **Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ**.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, **là những pháp sâu kín khó thấy**, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, **chỉ những người có trí mới có thể nhận biết**. Những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Kinh Trường Bộ Page 12 of 466

16. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hữu biên Vô biên luận**, **chấp thế giới là Hữu biên Vô biên** với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp?

17. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, **nhờ nhất tâm**, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, **nên tâm nhập định**. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời **với tư tưởng thế giới là hữu biên**. Vị ấy nói rằng: **“Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh**. Vì sao vậy? Vì tôi, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, **nên tâm nhập định**. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó tôi biết rằng **thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh**”.

Này các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ nhất**, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hữu biên Vô biên luận**, chấp thế giới là hữu biên và vô biên.

18. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương **Hữu biên Vô biên luận**, chấp thế giới là hữu biên và vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn, **nhờ nhất tâm**, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, **nên tâm nhập định**. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời **với tư tưởng thế giới là vô biên**. Vị ấy nói: **“Thế giới này là vô biên, không có giới hạn**”. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: **“Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh”**, những vị ấy **nói không đúng sự thật**. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn. Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, **nên tâm nhập định**. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là vô biên. **Do đó tôi biết: “Thế giới này là vô biên, không có giới hạn”**.

Này các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ hai**, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hữu biên Vô biên luận**, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

19. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương **Hữu biên Vô biên luận**, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, **nhờ nhất tâm**, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, **nên tâm nhập định**. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời **với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới và thế giới là Vô biên về phía bề ngang**. Vị ấy nói: **“Thế giới này là hữu biên và vô biên”**. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: **“Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh, thì những vị ấy nói không đúng sự thật”**. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: **“Thế**

giới này là vô biên không có giới hạn thì những vị ấy nói không đúng sự thật". Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng, **thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Do vậy tôi biết: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên"**.

Này các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ ba**, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hữu biên Vô biên luận**, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

20. **Trường hợp thứ tư**, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương **Hữu biên Vô biên luận**, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn **là nhà suy luận, là nhà thẩm sát**. Do sự chia rẽ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như sau: **"Thế giới này không phải là**

Kinh Trường Bộ Page 13 of 466

hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: **"Thế giới này là hữu biên có giới hạn xung quanh"**, những vị ấy **nói không đúng sự thật**. Lại những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: **"Thế giới này là vô biên không có giới hạn"** những vị ấy cũng **nói không đúng sự thật**. Lại những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: **"Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên"**, những vị ấy cũng **nói không đúng sự thật**. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên.

21. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương **Hữu biên Vô biên luận** với **bốn luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên, **chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên**, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

22. Này các Tỷ-kheo, **Như Lai tuệ tri** như thế này: **"Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cội thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy"**. Như Lai tuệ tri như vậy. **Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy**. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. **Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng**. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, **Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ**.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, **là những pháp sâu kín**, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, **chỉ những người trí mới có thể nhận biết**. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

23. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Ngụy biện luận**. **Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp?

24. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn **không như thật biết "Đây là thiện" không như thật biết "Đây là bất thiện"**. Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả

lời: “Đây là bất thiện”, thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi, như vậy **tôi có thể bị sai lầm**. Nếu tôi sai lầm thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn sẽ thành một chương ngại cho tôi - Như vậy, **vì sợ sai lầm, vì chán ghét sai lầm, nên vị ấy không trả lời: “Đây là thiện”, cũng không trả lời: “Đây là bất thiện”**. Khi hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời nguy biện trườn uốn như con lươn: “Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế”.
Này các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ nhất**, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Nguy biện luận**, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

25. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương **Nguy biện luận**, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, **không như thật biết “Đây là thiện”, không như thật biết “Đây là bất thiện”**. Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: “Đây là thiện”, không như thật biết: “Đây là bất thiện”. Vì tôi không như thật biết: “Đây là thiện”, không như thật biết “Đây là bất thiện”. Và nếu tôi trả lời: “Đây là thiện” hoặc tôi trả lời: “Đây là bất thiện”, thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy **tôi có thể chấp thủ**. Nếu tôi chấp thủ, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn, thời thành một chương ngại cho tôi

Kinh Trường Bộ Page 14 of 466

Như vậy, **vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ, nên vị ấy không trả lời: “Đây là thiện”, cũng không trả lời: “Đây là bất thiện”**. Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời nguy biện trườn uốn như con lươn: “Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế”.

Này các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ hai**, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Nguy biện luận**, khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

26. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương **nguy biện luận**, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn **không như thật biết “Đây là thiện”, không như thật biết “Đây là bất thiện”**. Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: “Đây là thiện”, không như thật biết: “Đây là bất thiện”. Vì tôi không như thật biết “Đây là thiện”, không như thật biết “Đây là bất thiện” và nếu tôi trả lời: “Đây là thiện” hoặc trả lời: “Đây là bất thiện”, **có những Sa-môn, Bà-la-môn, bác học**, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia, như **muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ** của chúng, chúng **có thể đọ tài, chất vấn và cật nạn** tôi. Nếu chúng đọ tài, chất vấn, cật nạn tôi, **tôi có thể không giải đáp được cho chúng**. Nếu tôi không giải đáp được cho chúng, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thời thành một chương ngại cho tôi - Như vậy, **vì**

sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách, nên vị ấy **không trả lời: “Đây là thiện”, cũng không trả lời. “Đây là bất thiện”**. Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời nguy biện trườn uốn như con lươn: “Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế”.

Này các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ ba**, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, chủ trương **nguy biện luận**, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

27. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương **Nguy biện luận**, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn **đần độn ngu si**. Vị này, vì đần độn ngu si, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, liền dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn: “Anh hỏi tôi có một thế giới khác hay không?” **Nếu tôi nghĩ “Có một thế giới khác”, tôi có thể trả lời với anh: “Có một thế giới khác”. Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.** Nếu anh hỏi tôi: “Không có một thế giới khác phải không?” Nếu tôi nghĩ: “Không có một thế giới khác”, tôi có thể trả lời với anh: “Không có một thế giới khác”. Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi “Không có một thế giới khác phải không?” (... như trên...) “Cũng có và cũng không có một thế giới khác?” “Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?”, “Có loại hữu tình hóa sanh?”, “Không có loại hữu tình hóa sanh?” “Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?” “Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?”, “Có kết quả dị thực của các nghiệp thiện và ác?”, “Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?”, “Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?”, “Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?”, “Như Lai có tồn tại sau khi chết?”, “Như Lai không có tồn tại sau khi chết?”, “Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?”, “Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?”. Anh hỏi tôi như vậy. **Nếu tôi nghĩ: “Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết”. Tôi có thể trả lời: “Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết”. Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.**

Kinh Trường Bộ Page 15 of 466

Này các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ tư**, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Nguy biện luận**, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

28. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Nguy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp**. Nếu có những Samôn hay Bà-la-môn nào chủ trương Nguy biện luận, khi bị hỏi

vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biến trườn uốn như con lươn, **chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên**, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

29. Nay các Tỷ-kheo, **Như Lai tuệ tri như thế này**: “**Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy**”. Như Lai tuệ tri như vậy. **Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy.** Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. **Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng.** Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, **Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.**

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh** với **hai luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

31. Nay các Tỷ-kheo, có những **chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình.** Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, **lại sanh đến cõi này.** Khi đến tại chỗ này, **vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.** Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy **nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa.** Vị ấy nói : “**Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.** Tại sao vậy? Vì rằng tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình”.

Nay các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ nhất**, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.**

32. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương **Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?**

Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn **là nhà biện luận, là nhà thẩm sát.** Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị ấy **tuyên bố: “Bản ngã và thế giới vô nhân sanh”.**

Nay các Tỷ-kheo, đó là **trường hợp thứ hai**, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.**

33. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh** với **hai luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, **chúng sẽ chấp cả hai luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên**, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Kinh Trường Bộ Page 16 of 466

34. Nay các Tỷ-kheo, **Như Lai tuệ tri như thế này**: “**Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như**

vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy, **Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa**, và **Ngài không chấp sở tri ấy**. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. **Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly** của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, **Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ**.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, **là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt**. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ**, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với **mười tám luận chấp** trên. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, **chúng sẽ chấp cả mười tám luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên**, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này : “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến côi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

37. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai**, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với **bốn mươi bốn luận chấp**. Và những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp?

38. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết** với **mười sáu luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, với mười sáu luận chấp?

Những vị này chủ trương: “**Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tướng**”. Chúng chủ trương: “**Bản ngã có sắc và cũng không có sắc...**”, “**Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc...**”, “**Bản ngã là hữu biên...**”, “**Bản ngã là vô biên...**”, “**Bản ngã là hữu biên và vô biên**”, “**Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên...**”, “**Bản ngã là nhất tướng...**”, “**Bản ngã là dị tướng...**”. “**Bản ngã là thiếu tướng...**”, “**Bản ngã là vô lượng tướng...**”, “**Bản ngã là thuần lạc...**”, “**Bản ngã là thuần khổ...**”, “**Bản ngã là khổ lạc**”. Chúng chủ trương: “**Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tướng**”.

39. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương **hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết** với **mười sáu luận chấp**. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, **chúng sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên**, hay **một trong những luận chấp trên**, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

40. Nay các Tỷ-kheo, **Như Lai tuệ tri như thế này**: “**Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến**

Kinh Trường Bộ Page 17 of 466

cõi thú như vậy, sẽ tác thành những **định mạng** như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy, **Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa**, và **Ngài không chấp sở tri ấy**. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. **Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly** của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, **Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ**.

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, **là những pháp sâu kín**, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, **chỉ những người có trí mới có thể phân biệt**. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Tụng Phẩm III

1. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết** với **tám luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp?

2. Những vị này chủ trương : “**Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tướng**”, “**Bản ngã không có sắc...**”, “**Bản ngã có sắc và cũng không có sắc...**”, “**Bản ngã không có sắc và cũng không không có sắc...**”, “**Là hữu biên...**”, “**Là vô biên...**”, “**Là hữu biên và vô biên...**”. Các vị này **chấp bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tướng**.

3. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương **Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết** với **tám luận chấp**. - Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết, **chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên**, hay **một trong những luận chấp trên**, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

4. Nay các Tỷ-kheo. **Như Lai tuệ tri như thế này**: “**Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú** như vậy, sẽ tác thành những **định mạng** như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. **Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa**, và **Ngài không chấp sở tri ấy**. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. **Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly** của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, **Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ**.

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, **là những pháp sâu kín**, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, **chỉ những người có trí mới có thể nhận biết**. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp

ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

5. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp.**

Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp?

6. Những vị này **chấp**: “**Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng...**”, “**Bản ngã là vô sắc...**”, “**Bản ngã có sắc và cũng không có sắc...**”, “**Bản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc...**”, “**Bản ngã là hữu biên...**”, “**Bản ngã là vô biên...**”, “**Bản ngã là hữu biên và vô biên...**”.

7. Những vị này **chấp** rằng. **Bản ngã là phi hữu biên và cũng phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng, với tám luận chấp.** Nay các Tỷ-kheo, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, chủ trương phi hữu tướng phi vô tướng, **chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận**

Kinh Trường Bộ Page 18 of 466

chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

8. Nay các Tỷ-kheo, **Như Lai tuệ tri như thế này**: “**Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy**”. Như Lai tuệ tri như vậy. **Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy.** Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. **Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly** của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, **Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.**

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, **là những pháp sâu kín,** khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, **chỉ những người có trí mới có thể nhận biết.** Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

9. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp.** Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp?

10. Nay các Tỷ-kheo, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý kiến: “**Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diệt**”. Như vậy một số người chủ trương **sự đoạn diệt, sự tiêu thất và sự hủy hoại của loài hữu tình.**

11. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. **Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực.** Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. **Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt**”.

Như vậy có một số người chủ trương **sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.**

12. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. **Lại còn một bản ngã**

khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. **Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt**". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

13. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. **Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tướng, diệt trừ các tướng chống đối, không ức niệm các dị tướng, nhận hiểu hư không là vô biên**. Đạt đến không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. **Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt**".

Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

14. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. **Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên**. Đạt đến Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. **Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt**". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

15. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có.

Kinh Trường Bộ Page 19 of 466

Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. **Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiểu: không có sở hữu**. Đạt đến Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. **Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt**". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

16. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. **Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiểu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu**. Đạt đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. **Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt**". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

17. Đây các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, chủ trương **Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp**. Đây các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình, **chúng chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên**, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

18. Đây các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai

tuệ tri như vậy, Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri *sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly* của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết: và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

19. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp?

20. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: “**Khi nào bản ngã này tận hưởng, sung mãn năm món dục lạc, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết Bàn** của loài hữu tình”.

21. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niết Bàn. **Vì có sao? Vì rằng tính của dục lạc là vô thường, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa, nên ưu, bi, khổ, muộn, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp, đạt đến và an trú vào đệ nhất thiên; thiên định này có tâm, có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn**”. Như vậy có người chủ trương **tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình**.

22. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. **Vì có sao? Vì ở đây thiên định ấy có tâm, có tứ nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tâm và tứ, đạt đến và an trú đệ nhị thiên. Thiên định này nội tâm yên tĩnh, trí chuyên nhất cảnh, không tâm, không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn**”. Như vậy có người chủ trương **tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình**.

Kinh Trường Bộ Page 20 of 466

23. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. **Vì có sao? Vì ở đây tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ, trú xả, chánh niệm, chánh trí, thân hưởng lạc mà các bậc thánh gọi là Xả niệm lạc trú - đạt đến và an trú đệ tam thiên. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn**”. Như vậy, có người chủ trương **tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình**.

24. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết bàn. **Vì có sao? Vì ở đây tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc và xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an trú vào đệ tứ thiên. Thiên này không khổ,**

không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn”. Như vậy có người chủ trương **tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.**

25. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương **Hiện tại Niết-bàn luận, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp.** Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình, **những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên,** ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa.

26. Nay các Tỷ-kheo, **Như Lai tuệ tri như thế này:** “**Những sở kiến ấy, chấp trước** như vậy sẽ đưa đến những **cõi thú** như vậy, sẽ tác thành những **định mạng** như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. **Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy.** Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. **Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly** của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỷ-kheo, **Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ.**

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

27. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy **luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp.** Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. **Chúng sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên,** ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

28. Nay các Tỷ-kheo, **Như Lai tuệ tri như thế này:** “**Những sở kiến ấy, chấp trước** như vậy, sẽ đưa đến những **cõi thú** như vậy, sẽ tác thành những **định mạng** như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. **Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy.** Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. **Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly** của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỷ-kheo, **Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.**

29. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy **luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp.** Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. **Những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên,** ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Kinh Trường Bộ Page 21 of 466

30. Nay các Tỷ-kheo, **Như Lai tuệ tri như thế này:** “**Những sở kiến ấy, chấp trước** như vậy, sẽ đưa đến những **cõi thú** như vậy, sẽ tác thành những **định mệnh** như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. **Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy.** Nhờ không chấp

trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. **Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng.** Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, **Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.**

31. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, **là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết.** Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Kết luận

32. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp.** Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối.**

33. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp.** Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối.**

34. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp.** Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối.**

35. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện truân uồn như con lươn với bốn luận chấp.** Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối.**

36. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp.** Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối.**

37. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, **luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp.** Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối.**

38. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hữu tướng luận** sau khi chết, **chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp.** Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối.**

39. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Vô tướng luận** sau khi chết, **chấp**

bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối**.

40. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Phi Hữu tướng Phi Vô tướng** sau khi chết, **chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng** sau khi chết với **tám luận chấp**. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối**.

41. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình** với **bảy luận chấp**. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối**.

42. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình** với **năm luận chấp**. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối**.

43. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, **luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác** với **bốn mươi bốn luận chấp**. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối**.

44. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, **luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác** với **sáu mươi hai luận chấp**. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị **bị tham ái chi phối**.

45. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Thường trú luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với **bốn luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi do sự xúc chạm (của các căn)**.

46. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với **bốn luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi do sự xúc chạm (của các căn)**.

47. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hữu biên Vô biên luận**, chấp thế giới là hữu biên vô biên với **bốn luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi do sự xúc chạm (của các căn)**.

48. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Ngụy biện luận**. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với **bốn luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi là do sự xúc chạm (của các căn)**.

49. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Vô nhân luận**, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với **hai luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi do sự xúc**

cham (của các căn).

50. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, **luận bàn về quá khứ tối sơ**, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với **mười tám luận chấp**. Chủ trương

Kinh Trường Bộ Page 23 of 466

ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

51. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hữu tướng luận sau khi chết**, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với **mười sáu luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

52. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Vô tướng luận sau khi chết**, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với **tám luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

53. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết**, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với **tám luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

54. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Đoạn diệt luận**, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với **bảy luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

55. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hiện tại Niết bàn luận**, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với **năm luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

56. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, **luận bàn về tương lai**, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **bốn mươi bốn luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

57. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, **luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai**, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **sáu mươi hai luận chấp**. Chủ trương ấy **phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

58. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Thường trú luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với **bốn luận chấp**. Những vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

59. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận**, chấp bản ngã và thế giới, là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với **bốn luận chấp**. Những vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

60. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hữu biên Vô biên luận**, chấp thế giới là hữu biên vô biên với **bốn luận chấp**. Những vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

61. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Ngụy biện luận**. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với **bốn luận chấp**. Những vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

62. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Vô nhân luận**, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với **hai luận chấp**. Các vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu**

Kinh Trường Bộ Page 24 of 466

không có cảm xúc.

63. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, **luận bàn về quá khứ tối sơ**, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với **mười tám luận chấp**. Những vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

64. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hữu tướng luận sau khi chết**, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với **mười sáu luận chấp**. Các vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

65. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Vô tướng luận sau khi chết**, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với **tám luận chấp**. Các vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

66. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết**, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với **tám luận chấp**. Các vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

67. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Đoạn diệt luận**, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với **bảy luận chấp**. Các vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương, trên, nếu không có cảm xúc.**

68. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hiện tại Niết Bàn luận**, chấp trước hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với **năm luận chấp**. Các vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

69. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, **luận bàn về tương lai**, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **bốn mươi bốn luận chấp**. Các vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

70. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, **luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai**, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **sáu mươi hai luận chấp**. Những vị này **không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

71. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Thường trú luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với **bốn luận chấp**; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận**; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Ngụy biện luận**; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **Vô nhân luận**; những Sa-môn, Bà-la-môn, **luận bàn về quá khứ tối sơ**, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Hữu tướng luận** sau khi chết, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Vô tướng luận** sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Phi Hữu tướng Phi Vô tướng** sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **Đoạn diệt luận**; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương **hiện tại Niết Bàn luận**; những Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về quá khứ tối sơ**; những Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá**

khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **sáu mươi hai luận chấp**. Tất cả những vị này **có những cảm thọ** (những chủ trương trên) do **sự xúc chạm qua sáu xúc xứ**. **Do duyên** với những cảm thọ mà **tham ái phát khởi**; **do duyên** tham ái, **thủ phát khởi**; **do duyên** thủ, **hữu phát khởi**; **do duyên** hữu, **sinh phát khởi**, **do duyên** sinh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Nay các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo như thật biết **sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly** của sáu chỗ xuất xứ, vị ấy sẽ **có một sự hiểu biết vượt ra ngoài** những điều trên.

Kinh Trường Bộ Page 25 of 466

72. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn nào **luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai**, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác tất cả những vị này **đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp** này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

Nay các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghề hay người học đánh cá vùng lưới trên mặt hồ nước nhỏ có mắt sít sao. Người ấy nghĩ: “**Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây**”.

Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào, **luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai**, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này **đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp** này; **dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây**.

73. Nay các Tỷ-kheo, **thân** của Như Lai còn tồn tại, nhưng **cái khiến** đưa đến **đời sống khác đã bị chấm dứt**. **Khi** thân của vị này còn tồn tại **thời** chư Thiên và loài Người **còn có thể thấy thân ấy**. **Khi** thân hoại mạng chung, **thời** chư Thiên và loài Người **không thể thấy được**.

Nay các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm, xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, **nhưng cái khiến đưa đến một đời sống khác đã bị chặt đứt**. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

74. Khi nghe nói vậy, đại đức Ananda bạch đức Thế Tôn:

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn?

- Nay Ananda, pháp môn này gọi là “Lợi Vông”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Pháp Vông”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Phạm Vông”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Kiếm Vông”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Vô thượng Chiến thắng”, hãy như vậy mà phụng trì.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được truyền thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

-ooOoo

Mười hai nhân duyên, hay Duyên khởi, là một giáo lý rất đặc thù, là điểm xác định sự khác biệt giữa Phật giáo với các tôn giáo khác. Nó là cốt lõi của nhân sinh quan Phật giáo, được đề cập nhất quán trong tất cả các kinh điển. Nhận thức rõ về giáo lý Mười hai nhân duyên sẽ giúp người học Phật hiểu cặn kẽ hơn về các vấn đề khác như nghiệp, luân hồi, tái sinh, nhân quả... đồng thời gợi mở một hướng sống tích cực cho mỗi cá nhân trong hiện tại.

Như vậy này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.